

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 01/10/2023

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Cao Thị Hải Anh	Nữ	24/05/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	1907/QĐ484/2023	TH006417	
2	Hoàng Võ Phương Anh	Nữ	16/10/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	1908/QĐ484/2023	TH006384	
3	Chu Thị Tâm Anh	Nữ	22/8/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	6.5	1909/QĐ484/2023	TH006385	
4	Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	08/10/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	8.0	1910/QĐ484/2023	TH006386	
5	Xông Bá Chải	Nam	12/8/1998	Nghệ An	H' Mông	5.0	5.5	1911/QĐ484/2023	TH006387	
6	Nguyễn Khắc Chuẩn	Nam	22/12/1975	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1912/QĐ484/2023	TH006388	
7	Nguyễn Quang Dũng	Nam	16/10/1994	Nghệ An	Kinh	7.3	9.0	1913/QĐ484/2023	TH006389	
8	Đường Thị Hiền	Nữ	10/11/1999	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	9.0	1914/QĐ484/2023	TH006390	
9	Nguyễn Đức Hoài	Nam	15/9/1968	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	1915/QĐ484/2023	TH006391	
10	Trần Thu Hoài	Nữ	09/12/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	9.5	1916/QĐ484/2023	TH006392	
11	Trần Đình Hoàng	Nam	29/5/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	1917/QĐ484/2023	TH006393	
12	Lê Xuân Hùng	Nam	06/02/1977	Nghệ An	Kinh	5.3	9.0	1918/QĐ484/2023	TH006394	
13	Văn Chấn Hưng	Nam	01/12/1999	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	1919/QĐ484/2023	TH006395	
14	Võ Thị Khánh Huyền	Nữ	23/5/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	8.5	1920/QĐ484/2023	TH006396	
15	Trần Khánh	Nữ	02/9/1982	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	1921/QĐ484/2023	TH006397	
16	Dương Thị Khánh	Nữ	16/06/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	1922/QĐ484/2023	TH006398	
17	Nguyễn Thị Mai	Nữ	29/12/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	1923/QĐ484/2023	TH006399	
18	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam	08/4/1995	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	1924/QĐ484/2023	TH006400	
19	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	15/02/1999	Nghệ An	Thổ	5.3	9.0	1925/QĐ484/2023	TH006401	
20	Võ Thị Hồng Ngân	Nữ	08/9/1999	Nghệ An	Kinh	5.0	9.5	1926/QĐ484/2023	TH006402	
21	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	07/3/1976	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	1927/QĐ484/2023	TH006403	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
22	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08/3/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	9.5	1928/QĐ484/2023	TH006404	
23	Nguyễn Trọng Quỳnh	Nam	03/11/1990	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	1929/QĐ484/2023	TH006405	
24	Lê Văn Sơn	Nam	14/6/1985	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	1930/QĐ484/2023	TH006406	
25	Hoàng Công Tâm	Nam	18/7/1983	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	1931/QĐ484/2023	TH006407	
26	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	28/9/1973	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	1932/QĐ484/2023	TH006408	
27	Trần Thị Hoài Thương	Nữ	25/03/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	1933/QĐ484/2023	TH006409	
28	Trần Thị Thủy	Nữ	26/4/1986	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	1934/QĐ484/2023	TH006410	
29	Hồ Thị Hương Trà	Nữ	10/3/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	1935/QĐ484/2023	TH006411	
30	Lê Hoàng Huyền Trang	Nữ	22/8/2002	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	1936/QĐ484/2023	TH006412	
31	Nguyễn Đình Tuấn	Nam	06/06/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.0	1937/QĐ484/2023	TH006413	
32	Trương Thị Uyên	Nữ	15/02/1999	Nghệ An	Thổ	5.0	8.5	1938/QĐ484/2023	TH006414	
33	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	20/4/1988	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	1939/QĐ484/2023	TH006415	
34	Lý Bá Xành	Nam	03/02/1997	Nghệ An	H' Mông	5.3	6.5	1940/QĐ484/2023	TH006416	

